

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 24-8-2024

"Về việc: Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Trần Đăng Ninh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Lê – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 52/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: số H đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020). (Vắng mặt).

Người nhận ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức Q, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 2968/2024 ngày 23/8/2024); địa chỉ: A T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Tưởng Văn P, sinh năm: 1983 và bà Đoàn Thị Đ, sinh năm: 1985; địa chỉ: TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Ông P hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan). (Ông P, bà Đ đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nội dung trình bày:

Ngày 16/3/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là ngân hàng) ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN1803080543392 với vợ chồng ông Tường Văn P, bà Đoàn Thị Đ (địa chỉ: TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) với số tiền 250.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm; mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh sửa chữa và buôn bán phụ tùng xe máy và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1803080543392; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 36/371; địa chỉ tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) theo GCNQSDĐ số BDD928685 do UBND huyện K cấp ngày 05/4/2011 cho ông Tường Văn P, bà Đoàn Thị Đ. Sau khi ký hợp đồng một thời gian thì ông Tường Văn P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

Trước thời điểm khởi kiện, vợ chồng ông P, bà Đ đã trả được 129.077.762 đồng (trong đó nợ gốc 105.424.966 đồng và nợ lãi 23.652.796 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn ông P, bà Đ không thực hiện.

Ngày 28/5/2023, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Tường Văn P và bà Đoàn Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng với số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 là 272.916.580 đồng (trong đó nợ gốc 144.575.034 đồng và nợ lãi 128.341.546 đồng).

Đến thời điểm mở phiên tòa (ngày 24/8/2024), vợ chồng ông Tường Văn P và bà Đoàn Thị Đ đã trả được 250.000.000 đồng tiền gốc và 39.077.762 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 24/8/2024, vợ chồng ông Tường Văn P và bà Đoàn Thị Đ đã trả hết tiền gốc, còn nợ tổng số tiền 135.940.626 đồng tiền lãi trong hạn là 99.184.448 đồng; lãi phạt quá hạn là 36.756.178 đồng (Chi tiết theo bảng kê tính lãi do nguyên đơn cung cấp ngày 24/8/2024).

Nay phía nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu vợ chồng ông Tường Văn P và bà Đoàn Thị Đ thanh toán số tiền nói trên và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN1803080543392 ngày 16/3/2018 kể từ ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày ông Tường Văn P và bà Đoàn Thị Đ thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Yêu cầu Tòa án tuyên bố ngân hàng có quyền tự bán tài sản bị đơn đã thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Trường hợp số tiền tài sản phát mại không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Đoàn Thị Đ, ông T văn P vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết các khoản nợ.

- Bị đơn bà Đoàn Thị Đ có nội dung trình bày: Năm 2018, vợ chồng bà ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN1803080543392 với ngân hàng với số tiền

250.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm; mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh sửa chữa và buôn bán phụ tùng xe máy và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1803080543392; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 36/371; địa chỉ tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) theo GCNQSDĐ số BDD928685 do UBND huyện K cấp ngày 05/4/2011. Theo Hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà đã ký Khế ước nhận nợ vào ngày 16/3/2018 và nhận giải ngân đủ số tiền vay. Tính đến ngày 15/5/2024, vợ chồng bà đã thanh toán được cho ngân hàng số tiền 215.000.000 đồng nợ gốc và 23.652.796 đồng nợ lãi. Còn nợ ngân hàng số tiền 35.000.000 đồng nợ gốc và 145.234.733 nợ lãi (trong đó lãi quá hạn là 28.008.308 đồng, lãi trong hạn là 117.226,481 đồng). Bà Đ đồng ý trả toàn bộ số nợ còn lại cho ngân hàng, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên bà Đ đề nghị được trả dần theo tháng và đề nghị ngân hàng miễn cho phần nợ lãi quá hạn.

Bị đơn ông Trương Văn P hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, bà Đ không cung cấp được địa chỉ của ông P cho Tòa án, tuy nhiên bà Đ đã thông báo nội dung khởi kiện cũng như nội dung các thông báo của Tòa án cho ông Đ được biết. Tòa án cũng đã thực hiện việc nhắn tin thông báo cho ông Trương Văn P trên kênh V1 và B để ông P nắm được thông tin và về Việt Nam giải quyết vụ án. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông P không về Việt Nam và không tham gia giải quyết vụ án. Bà Đ vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ và hòa giải nên các đương sự không hòa giải được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không hòa giải được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa; về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39; Điều 68, 85; Điều 97, 98, 101, 106; Điều 143, 144, 147; Điều 205, 208; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271, 273; 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 357, 429, 463, 466, 468; Điều 292, 295; Điều 317, 318, 319, 320 Bộ luật Dân sự 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 16/3/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần V ký Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1803080543392 với vợ chồng ông Tường Văn P, bà Đoàn Thị Đ (địa chỉ: TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) với số tiền 250.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm; mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh sửa chữa và buôn bán phụ tùng xe máy và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1803080543392; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 36/371; địa chỉ tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Tường Văn P, bà Đoàn Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi phát sinh. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại các điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh đã thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh giải quyết vụ án, tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh số 23326/QLXNC-P3 ngày 08/9/2023, Cục Q1 - Bộ C xác nhận thông tin: ông Tường Văn P, sinh ngày 20/10/1983 đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 24/4/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tại biên bản xác minh ngày 14/9/2023 của TAND thị xã Kỳ Anh Hà Tĩnh, công an phường K cung cấp: Ông Tường Văn P đã đi XKLĐ tại Đài Loan từ tháng 4/2023. Xét thấy tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Tường Văn P đang sinh sống, lao động ở nước ngoài, do đó Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ các Điều 26, 37, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Giữa Ngân hàng V2 với vợ chồng ông Tường Văn P, bà Đoàn Thị Đ có phát sinh việc vay nợ thể hiện tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1803080543392 ngày 16/3/2018 trong đó quy rõ về thời hạn vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn.... Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Tường Văn P, bà Đoàn Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đúng thời gian đã quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên từ thời điểm ký hợp đồng cho đến thời điểm khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Tường Văn P và bà Đoàn Thị Đ vẫn thực hiện việc trả nợ, vẫn xác nhận số nợ với ngân hàng. Ngày 03/7/2021 bà Đ trả nợ ngân hàng 50.000 đồng. Do đó, việc khởi kiện của ngân hàng thuộc trường hợp còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện việc xác minh, thu thập chứng cứ như: Yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; lấy lời khai

của đương sự; xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp theo định tại Điều 97, 98, 101, 104, 106 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án cũng đã tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205, 208 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4]. *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Bị đơn ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ; ông Trương Văn P hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, không cung cấp địa chỉ cho Tòa án; đã được bà Đoàn Thị Đ thông báo nội dung khởi kiện và nội dung quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tiến hành nhắn tin thông báo kênh VOV Đài tiếng nói Việt Nam và B. Tuy nhiên ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ đều vắng mặt tại phiên tòa thứ nhất và lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Giữa Ngân hàng V2 với vợ chồng ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ có phát sinh việc vay nợ thế hiện tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1803080543392 ngày 16/3/2018. Vợ chồng ông P, bà Đ đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay tại hợp đồng thế chấp số LN1803080543392 ngày 15/3/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ đã không thực hiện đúng việc trả nợ cho phía ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 24/8/2024, vợ chồng ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền **135.940.626 đồng** tiền lãi (lãi trong hạn là 99.184.448 đồng; lãi phạt quá hạn là 36.756.178 đồng). Vì vậy Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nói trên và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đoàn Thị Đ hoàn toàn thừa nhận vợ chồng bà đã ký hợp đồng vay Ngân hàng V. 000.000 đồng theo hợp đồng nói trên và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản trên đất để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo hợp đồng thế chấp như Ngân hàng đã nêu và hoàn toàn thừa nhận số tiền đã trả, số tiền gốc, lãi còn nợ tại các thời điểm làm việc như số liệu Ngân hàng V2 đã cung cấp. Bà Đ chỉ đề nghị do khó khăn nên xin được trả dần số nợ trên và xin được miễn lãi phạt. Xét thấy vợ chồng ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ và Ngân hàng V2 ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung Hợp đồng không trái pháp luật. Tuy nhiên vợ chồng ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng V2 yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền lãi còn nợ, không chấp nhận miễn lãi phạt như đề nghị của bà Đ và xử lý tài sản bị đơn đã thế chấp nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy bị đơn ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán các khoản dư nợ cho Ngân hàng theo như nội dung Hợp đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của

pháp luật, phù hợp với nội dung mà các bên đã thỏa thuận. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V về việc buộc bị đơn ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ thanh toán số tiền nợ lãi còn lại là 135.940.626 đồng tiền lãi (lãi trong hạn là 99.184.448 đồng; lãi phạt quá hạn là 36.756.178 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN1803080543392 ngày 16/3/2018 kể từ ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ hoàn thành nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay tại hợp đồng cho vay hạn mức số LN1803080543392 ngày 16/3/2018 giữa Ngân hàng V2 và vợ chồng ông P, bà Đ nói trên, thì vợ chồng ông P, bà Đ và ngân hàng V2 đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số LN18030543392 ngày 15/3/2018; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 36/371; địa chỉ tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) được UBND huyện K, Hà Tĩnh cấp Giấy CNQSDĐ số BD 928685 ngày 05/14/2011 mang tên vợ chồng ông P, bà Đ.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: LN1803080543392 ngày 15/3/2018 giữa bên thế chấp ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ và bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V3) thể hiện:

- Điểm a khoản 1 Điều 6: “Các trường hợp xử lý tài sản thế chấp:

1. Các Bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng đã ký với Bên Ngân hàng“.

Xét thấy, việc ký kết hồ sơ vay vốn và hợp đồng thế chấp giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và đúng quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 317, 318 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bị đơn ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn là vi phạm Khoản 1 Điều 5 Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1803080543392 ngày 16/03/2018 giữa bên cho vay Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V3) và bên vay ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ. Vì vậy nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp của bị đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Hợp đồng vay vốn và điểm a khoản 1 Điều 6 Hợp đồng thế chấp nêu trên.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản của vợ chồng ông P, bà Đ với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp tài sản nói trên là hợp pháp. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V2 về yêu cầu xử lý tài

sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật nếu ông P, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ nói trên.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2]. Về chi phí nhắn tin thông báo đối với ông Trương Văn P trên kênh V1 và B: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp 3.750.000 đồng chi phí nhắn tin thông báo. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 3.750.000 đồng.

[3.3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và có ý kiến tự nguyện chịu phần chi phí này, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39; Điều 68, 85; Điều 97, 98, 101, 106; Điều 143, 144, 147; Điều 205, 208; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271, 273; 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 357, 429, 463, 466, 468; Điều 292, 295; Điều 317, 318, 319, 320 Bộ luật Dân sự 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

1. Buộc vợ chồng ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 24/8/2024 tổng số tiền **135.940.626 đồng** (*Một trăm ba lăm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm hai sáu đồng*) tiền lãi (lãi trong hạn là 99.184.448 đồng; lãi phạt quá hạn là 36.756.178 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản nợ nói trên, bị đơn ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền phải trả theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1803080543392 ngày 16/3/2018.

Trường hợp ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1803080543392 ngày 15/3/2018 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 36/371; địa chỉ tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TDP N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) theo GCNQSDĐ số BDD928685 do UBND huyện K, Hà Tĩnh cấp ngày 05/4/2011 cho ông Trương Văn P, bà Đoàn Thị Đ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì vợ chồng ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ phải tiếp tục trả nợ phần chưa được thanh toán cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thu được nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì phải trả lại phần vượt quá việc trả nợ cho ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án mà gia đình bị đơn không chịu thi hành án hoặc chậm thi hành án thì phải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại điều 468 đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Buộc bị đơn ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ phải chịu 6.787.808.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 6.823.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014577 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về chi phí nhắn tin cho ông Trương Văn P: Buộc bị đơn ông Trương Văn P và bà Đoàn Thị Đ phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 3.750.000 đồng chi phí nhắn tin thông báo cho ông Trương Văn P trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Đoàn Thị Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, ông Trương Văn P được quyền kháng cáo

trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
tỉnh Hà Tĩnh.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Khắc Hoàng

